

Số: **2993**/QĐ-ĐHTCM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **18** tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc miễn, giảm học phí kỳ 3 năm 2022 cho sinh viên
khóa 19D, 20D, 21D và LTDH16 hình thức chính quy**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH - MARKETING

Căn cứ Quyết định số 1138/QĐ-TTg ngày 04 tháng 8 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc sáp nhập Trường Cao đẳng Tài chính – Hải quan vào Trường Đại học Tài chính – Marketing;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 10/2016/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Bộ Giáo dục & Đào tạo về việc Ban hành Quy chế công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học hệ chính quy;

Căn cứ Quyết định số 2530/QĐ-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 692/QĐ-ĐHTCM ngày 10 tháng 3 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing ban hành Quy định về chế độ chính sách đối với sinh viên hình thức chính quy;

Căn cứ hồ sơ xin miễn, giảm học phí của sinh viên và Thông báo số 2317/TB-ĐHTCM ngày 09 tháng 11 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing về kết luận của Chủ tịch hội đồng tại cuộc họp xét miễn giảm học phí, trợ cấp xã hội, hỗ trợ chi phí học tập và hỗ trợ học phí kỳ 3 năm 2022 cho sinh viên khóa 19D, 20D và 21D hình thức chính quy;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Miễn, giảm học phí kỳ 3 năm 2022 cho **92 sinh viên** khóa 19D, 20D, 21D và LTDH16 hình thức chính quy với tổng số tiền là: **576.460.000 đồng** (Năm trăm bảy mươi sáu triệu bốn trăm sáu mươi ngàn đồng chẵn).

(Có danh sách kèm theo)

Điều 2. Nguồn kinh phí chi trả từ ngân sách nhà nước thực hiện chính sách miễn, giảm học phí tại Quyết định số 2530/QĐ-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022 và từ Quỹ hỗ trợ sinh viên tại Quyết định số 691/QĐ-ĐHTCM ngày 10 ngày 3 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing.

Điều 3. Căn cứ danh sách sinh viên và mức miễn, giảm học phí, Phòng Kế hoạch – Tài chính thực hiện miễn, giảm học phí cho sinh viên theo quy định.

Điều 4. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Các ông (bà) trưởng các Khoa: Công nghệ Thông tin, Du lịch, Kế toán – Kiểm toán, Kinh tế – Luật, Marketing, Ngoại ngữ, Quản trị kinh doanh, Tài chính – Ngân hàng, Thẩm định giá – Kinh doanh bất động sản, Thuế – Hải quan, Thương mại; Đoàn thanh niên, các phòng: Công tác sinh viên, Kế hoạch – Tài chính, Thanh tra Giáo dục, Quản lý đào tạo, Khảo thí – Quản lý chất lượng và các sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *LC*

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (để biết);
- Như Điều 4;
- Website Trường;
- Lưu: VT, KHTC, CTSV. *✓*



PGS. TS. Phạm Tiến Đạt

BẢNG TỔNG HỢP: MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ KỲ 3 NĂM 2022 CHO SINH VIÊN HÌNH THỨC CHÍNH QUY
(Miễn, giảm học phí thực hiện theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ)

Mức miễn giảm học phí thực hiện theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ)														
STT	Khóa học	Mức học phí 1 năm học	MIỄN 100%		GIẢM 70%		GIẢM 50%		Tổng cộng		Số tiền miễn, giảm (đ)_NĐ 81	Số tiền miễn, giảm (đ)_số chênh lệch HP Nhà trường hỗ trợ		
			Kỳ 3 năm 2022_ Tính mức miễn giảm 4 tháng (Học phí 1 năm học/10 tháng*4)											
			SLSV	Mức miễn (đ)	SLSV	Mức giảm (đ)	SLSV	Mức giảm (đ)	SLSV	Số tiền miễn, giảm(đ)				
1	19D	18.500.000	18	7.400.000	6	5.180.000	6	3.700.000	30	186.480.000				
2	20D	18.500.000	18	7.400.000	10	5.180.000	6	3.700.000	34	207.200.000				
3	21D	18.500.000	18	7.400.000	6	5.180.000	3	3.700.000	27	175.380.000				
4	LTDH16	18.500.000	1	7.400.000		5.180.000		3.700.000	1	7.400.000				
	Cộng:		55		22		15		92	576.460.000	483.925.000	92.535.000		
Ghi chú: Mức miễn giảm Nghị định 81/2021/NĐ-CP														

Ghi chú: Mức miễn giảm Nghị định 81/2021/NĐ-CP

STT	Khóa học	Mức học phí 1 năm học	MIỄN 100%		GIẢM 70%		GIẢM 50%		Tổng cộng	
			HK 1-NH:2022-2023							
			SLSV	Mức miễn (đ)	SLSV	Mức giảm (đ)	SLSV	Mức giảm (đ)	SLSV	Số tiền miễn, giảm(đ)
1	Đại học (khối ngành III: kinh doanh và quản lý, pháp luật)	12.500.000	48	6.250.000	18	4.375.000	11	3.125.000	77	413.125.000
2	Đại học (khối ngành VII: Nhân văn, khoa học xã hội và hành vi, báo chí và thông tin, dịch vụ xã hội, du lịch, khách sạn, thể dục thể thao, dịch vụ vận tải, môi trường và bảo vệ môi trường)	12.000.000	7	6.000.000	4	4.200.000	4	3.000.000	15	70.800.000
	Cộng:		55		22		15		92	483.925.000

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 11 năm 2022

TP. CÔNG TÁC SINH VIÊN


Nguyễn Thị Ngọc Anh

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ KỲ 3 NĂM 2022 CHO SINH VIÊN
KHÓA 19D, 20D, 21D VÀ LTDH16 HÌNH THỨC CHÍNH QUY**

(Kèm theo Quyết định số **2993** /QĐ-ĐHTCM ngày **18/11/2022**)

Stt	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp	Đối tượng được miễn, giảm	Tỷ lệ miễn giảm	Tổng số tiền được miễn, giảm(đ)	Số tiền miễn, giảm (đ) thực hiện theo Nghị định 81	Số tiền miễn, giảm (đ) số chênh lệch HP Nhà trường hỗ trợ	Số TK Ngân hàng
I	Khoa Công nghệ thông tin										
1	1921006683	Trương Gia	Hân	11/09/2001	19DTH1	Sinh viên là người từ 16 tuổi đến 22 tuổi đang học giáo dục đại học văn bằng thứ nhất thuộc đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng (Mồ côi cả cha lẫn mẹ)	100%	7.400.000	6.250.000	1.150.000	31310001226960
2	1921006794	Hà Thị Chính	Nương	10/06/2001	19DTH1	Người dân tộc, hộ cận nghèo	100%	7.400.000	6.250.000	1.150.000	31310001226748
3	1921006776	Nguyễn Hoàng Ánh	Nhi	23/10/2001	19DTK2	Người dân tộc ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã ĐBKK vùng bãi ngang ven biển hải đảo	70%	5.180.000	4.375.000	805.000	16910000883097
4	1921006754	Tạ Kim	Ngân	23/08/2001	19DTH1	Con CBCNV bị tai nạn lao động, mắc bệnh NN	50%	3.700.000	3.125.000	575.000	31310001226225
5	2021010278	Đặng Phương	Thảo	12/12/2002	20DTH2	Con CBCNV bị tai nạn lao động, mắc bệnh NN	50%	3.700.000	3.125.000	575.000	1017599653
6	2121013485	Đào Thị Hồng	Nhung	28/11/2003	21DTK2	Con CBCNV bị tai nạn lao động, mắc bệnh NN	50%	3.700.000	3.125.000	575.000	31310001461558
		Cộng:	6		sinh viên			31.080.000	26.250.000	4.830.000	
II	Khoa Du lịch										
1	1921003112	Trần Thị Lệ	Giang	03/01/2001	19DQN01	Con thương, bệnh binh	100%	7.400.000	6.000.000	1.400.000	31310001227015
2	1921007184	Võ Thị Yến	Như	26/05/2001	CLC_19DKS03	Con thương, bệnh binh	100%	7.400.000	6.000.000	1.400.000	31310001226915
3	2021010383	Nguyễn Thị Lan	Hương	28/07/2002	20DLH2	Con thương, bệnh binh	100%	7.400.000	6.000.000	1.400.000	1017419473

Stt	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp	Đối tượng được miễn, giảm	Tỷ lệ miễn giảm	Tổng số tiền được miễn, giảm(đ)	Số tiền miễn, giảm (đ)_ thực hiện theo Nghị định 81	Số tiền miễn, giảm (đ)_ số chênh lệch HP Nhà trường hỗ trợ	Số TK Ngân hàng
4	2021001165	Trần Mỹ	Nhàn	11/04/2002	20DQN01	Người dân tộc, hộ nghèo	100%	7.400.000	6.000.000	1.400.000	1017333299
5	2021010861	Nguyễn Thúy	Vân	12/09/2002	20DQN02	Con thương, bệnh binh	100%	7.400.000	6.000.000	1.400.000	1017509096
6	1921007295	Nguyễn Thị Thúy	Duy	15/07/2001	19DKS02	Người dân tộc ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã ĐBKK vùng bãi ngang ven biển hải đảo	70%	5.180.000	4.200.000	980.000	31310001226368
7	2021010482	Kim Thị Thanh	Giang	10/07/2002	CLC_20DKS02	Người dân tộc ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã ĐBKK vùng bãi ngang ven biển hải đảo	70%	5.180.000	4.200.000	980.000	1017599804
8	1921007169	Lê Thanh	Nhi	25/01/2001	CLC_19DKS02	Con CBCNV bị tai nạn lao động, mắc bệnh NN	50%	3.700.000	3.000.000	700.000	31310000049331
9	2021010669	Đoàn Thị Minh	Tâm	15/08/2002	20DKS03	Con CBCNV bị tai nạn lao động, mắc bệnh NN	50%	3.700.000	3.000.000	700.000	1017420058
10	2021010741	Trần Hoàng Minh	Hạnh	08/08/2002	20DQN02	Con CBCNV bị tai nạn lao động, mắc bệnh NN	50%	3.700.000	3.000.000	700.000	1017508898
		Cộng:	10		sinh viên			58.460.000	47.400.000	11.060.000	
III	Khoa Kế toán - Kiểm toán										
1	1921004907	Lưu Trúc Bảo	Phụng	03/09/2001	19DKT1	Người dân tộc, hộ cận nghèo	100%	7.400.000	6.250.000	1.150.000	31310001226632
2	2021009966	Chương Ngọc	Diệp	17/11/2002	CLC_20DKT03	Người dân tộc, hộ nghèo	100%	7.400.000	6.250.000	1.150.000	1017599406
3	2121012010	Nguyễn Thị Thu	Hiền	29/10/2003	21DAC1	Con thương, bệnh binh	100%	7.400.000	6.250.000	1.150.000	31310001460999
4	2121002631	Châu Diễm	Phương	19/11/2003	21DKT1	Người dân tộc ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã ĐBKK vùng bãi ngang ven biển hải đảo	70%	5.180.000	4.375.000	805.000	31310001467592

Stt	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp	Đối tượng được miễn, giảm	Tỷ lệ miễn giảm	Tổng số tiền được miễn, giảm (đ)	Số tiền miễn, giảm (đ)_thực hiện theo Nghị định 81	Số tiền miễn, giảm (đ)_số chênh lệch HP Nhà trường hỗ trợ	Số TK Ngân hàng
5	2121002601	Châu Diễm	Quỳnh	23/05/2003	21DKT2	Người dân tộc ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã ĐBKK vùng bãi ngang ven biển hải đảo	70%	5.180.000	4.375.000	805.000	31310001467699
6	2021005859	Nguyễn Thị	Hạnh	01/07/2002	20DAC2	Con CBCNV bị tai nạn lao động, mắc bệnh NN	50%	3.700.000	3.125.000	575.000	1016997561
		Cộng:	6		sinh viên			36.260.000	30.625.000	5.635.000	
IV	Khoa Kinh tế - Luật										
1	2021002685	Vũ Lê Phương	Thảo	20/08/2002	20DEM01	Con thương, bệnh binh	100%	7.400.000	6.000.000	1.400.000	1017370662
2	1921003167	Mẫu Minh	Thông	07/10/2000	19DQK	Người dân tộc, hộ nghèo	100%	7.400.000	6.250.000	1.150.000	31310001226580
3	1921004683	Lê Minh	Thư	24/08/2001	19DQF	Người dân tộc ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã ĐBKK vùng bãi ngang ven biển hải đảo	70%	5.180.000	4.375.000	805.000	31310001276664
		Cộng:	3		sinh viên			19.980.000	16.625.000	3.355.000	
V	Khoa Marketing										
1	1921001240	Lê Thị Hoàng	Anh	18/01/2001	19DMC2	Sinh viên khuyết tật	100%	7.400.000	6.250.000	1.150.000	31310001257216
2	1921005803	Nguyễn Lê Như	Xuân	06/04/2001	CLC_19DMA07	Con người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	100%	7.400.000	6.250.000	1.150.000	31310001238202
3	1921005746	Võ Phan Cẩm	Tú	18/06/2001	CLC_19DMA12	Con thương, bệnh binh	100%	7.400.000	6.250.000	1.150.000	31310001226942
4	2021000640	Đinh Ngọc	My	25/02/2002	20DMA2	Người dân tộc, hộ nghèo	100%	7.400.000	6.250.000	1.150.000	1017333192
5	2021000571	Nông Thành	Sơn	27/10/2002	20DQH1	Người dân tộc, hộ nghèo	100%	7.400.000	6.250.000	1.150.000	1017333177
6	2021008489	Võ Kim	Ngân	10/12/2002	CLC_20DMA07	Sinh viên khuyết tật	100%	7.400.000	6.250.000	1.150.000	1017598189
7	2021010405	Nguyễn Thị Thanh	Nhân	24/01/2002	CLC_20DMA10	Con thương, bệnh binh	100%	7.400.000	6.250.000	1.150.000	1017599747
8	2121007289	Nguyễn Thị	Thúy	08/11/2003	21DMA1	Con thương, bệnh binh	100%	7.400.000	6.250.000	1.150.000	31310001460962

Stt	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp	Đối tượng được miễn, giảm	Tỷ lệ miễn giảm	Tổng số tiền được miễn, giảm(đ)	Số tiền miễn, giảm (đ)_thực hiện theo Nghị định 81	Số tiền miễn, giảm (đ)_số chênh lệch HP Nhà trường hỗ trợ	Số TK Ngân hàng
9	2121007382	Nguyễn Hoàng	Uyên	01/01/2003	21DMA2	Con thương, bệnh binh	100%	7.400.000	6.250.000	1.150.000	31310001461169
10	2121011712	Huỳnh Minh	Ngân	04/06/2003	21DMC1	Con thương, bệnh binh	100%	7.400.000	6.250.000	1.150.000	31310001461293
11	2121011511	Nguyễn Thị	Hòa	08/02/2002	21DMC2	Người dân tộc, hộ nghèo	100%	7.400.000	6.250.000	1.150.000	31310001461114
12	2121001967	Đinh Thị Thanh	Tâm	03/03/2003	21DQH2	Người dân tộc, hộ cận nghèo	100%	7.400.000	6.250.000	1.150.000	31310001474796
13	2121003447	Nguyễn Lê Kiều	Nương	09/01/2003	CLC_21DMA01	Con thương, bệnh binh	100%	7.400.000	6.250.000	1.150.000	1024272062
14	1921003885	Giáp Thị	Nguyệt	16/03/2001	19DMA2	Người dân tộc ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã ĐBKK vùng bãi ngang ven biển hải đảo	70%	5.180.000	4.375.000	805.000	31310001226757
15	2021003828	K Thị Thương	Thương	08/02/2002	20DMA1	Người dân tộc ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã ĐBKK vùng bãi ngang ven biển hải đảo	70%	5.180.000	4.375.000	805.000	1017333897
16	2021000583	Lý Gia	Hân	23/06/2002	20DQH1	Người dân tộc ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã ĐBKK vùng bãi ngang ven biển hải đảo	70%	5.180.000	4.375.000	805.000	1017333179
17	2021000658	Tăng Thị Quỳnh	Như	07/12/2002	20DQH1	Người dân tộc ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã ĐBKK vùng bãi ngang ven biển hải đảo	70%	5.180.000	4.375.000	805.000	1017333202
18	2021000575	Trương Thị	Xuân	21/08/2002	20DQH2	Người dân tộc ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã ĐBKK vùng bãi ngang ven biển hải đảo	70%	5.180.000	4.375.000	805.000	1017333178

Stt	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp	Đối tượng được miễn, giảm	Tỷ lệ miễn giảm	Tổng số tiền được miễn, giảm(đ)	Số tiền miễn, giảm (đ)_thực hiện theo Nghị định 81	Số tiền miễn, giảm (đ)_số chênh lệch HP Nhà trường hỗ trợ	Số TK Ngân hàng
19	2121011512	Lý Tú	Nguyên	21/12/2002	21DMA2	Người dân tộc ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã ĐBKK vùng bãi ngang ven biển hải đảo	70%	5.180.000	4.375.000	805.000	31310001461187
20	2021008244	Nguyễn Thị Ngọc	Dung	13/05/2002	20DMC2	Con CBCNV bị tai nạn lao động, mắc bệnh NN	50%	3.700.000	3.125.000	575.000	1017261718
21	2021008364	Cao Minh	Toàn	19/08/2002	CLC_20DMA09	Con CBCNV bị tai nạn lao động, mắc bệnh NN	50%	3.700.000	3.125.000	575.000	1017598097
22	2121000317	Trần Thị Như	Ngọc	02/02/2003	CLC_21DMC04	Con CBCNV bị tai nạn lao động, mắc bệnh NN	50%	3.700.000	3.125.000	575.000	1024271697
		Cộng:	22		sinh viên			138.380.000	116.875.000	21.505.000	
VI	Khoa Ngoại ngữ										
1	2021007674	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	30/11/2002	20DTA03	Con thương, bệnh binh	100%	7.400.000	6.000.000	1.400.000	1017510049
2	1921003320	Neáng Rót	Tana	22/12/2001	19DTA03	Người dân tộc ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã ĐBKK vùng bãi ngang ven biển hải đảo	70%	5.180.000	4.200.000	980.000	31310001226571
3	2021000395	Châu Ngọc	Ngân	16/11/2002	20DTA01	Người dân tộc ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã ĐBKK vùng bãi ngang ven biển hải đảo	70%	5.180.000	4.200.000	980.000	1017333136
4	1921003321	Phan Duy	Thái	21/09/2001	19DTA02	Con CBCNV bị tai nạn lao động, mắc bệnh NN	50%	3.700.000	3.000.000	700.000	31310001226890
		Cộng:	4		sinh viên			21.460.000	17.400.000	4.060.000	
VII	Khoa Quản trị kinh doanh										
1	1921003794	Nguyễn Phan Thùy	Trang	23/05/2001	19DBH1	Con thương, bệnh binh	100%	7.400.000	6.250.000	1.150.000	31310001555716
2	1921003783	Từ Phước	Toàn	07/11/2001	CLC_19DQT07	Người dân tộc, hộ cận nghèo	100%	7.400.000	6.250.000	1.150.000	31310001362721

Stt	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp	Đối tượng được miễn, giảm	Tỷ lệ miễn giảm	Tổng số tiền được miễn, giảm(đ)	Số tiền miễn, giảm (đ)_thực hiện theo Nghị định 81	Số tiền miễn, giảm (đ)_số chênh lệch HP Nhà trường hỗ trợ	Số TK Ngân hàng
3	2021003507	Lý Thu	Hiền	11/09/2002	20DBH2	Người dân tộc, hộ nghèo	100%	7.400.000	6.250.000	1.150.000	1017333796
4	2021003242	Nguyễn Thuận	Hải	19/05/2002	20DQT2	Con thương, bệnh binh	100%	7.400.000	6.250.000	1.150.000	1013748561
5	2021007983	Nguyễn Hồng Bảo	Trân	21/05/2002	20DQT4	Con thương, bệnh binh	100%	7.400.000	6.250.000	1.150.000	1017597788
6	2021000441	Trần Thanh	Hiền	12/06/2002	20DQT5	Người dân tộc, hộ cận nghèo	100%	7.400.000	6.250.000	1.150.000	1016997392
7	2121001685	Chơ Liêng K'	Chen	17/05/2003	21DQT1	Người dân tộc, hộ cận nghèo	100%	7.400.000	6.250.000	1.150.000	31310001502688
8	2121001633	Trịnh Thị	Tuyết	12/04/2003	21DQT3	Con thương, bệnh binh	100%	7.400.000	6.250.000	1.150.000	31310001460777
9	2121012725	Hà Duyên Việt	Hung	15/12/2003	21DQT4	Con thương, bệnh binh	100%	7.400.000	6.250.000	1.150.000	1018261017
10	2121012981	Nguyễn Vạn	Thắng	02/12/2003	21DQT4	Con thương, bệnh binh	100%	7.400.000	6.250.000	1.150.000	31310001481820
11	2121013187	Phạm Hoàng Xuân	Mừng	02/12/2003	CLC_21DQT01	Con thương, bệnh binh	100%	7.400.000	6.250.000	1.150.000	1024272944
12	2121012165	Đồng Sỹ Khánh	Linh	23/09/2003	CLC_21DQT05	Con thương, bệnh binh	100%	7.400.000	6.250.000	1.150.000	1024273175
		Cộng:	12		sinh viên			88.800.000	75.000.000	13.800.000	
VIII Khoa Tài chính - Ngân hàng											
1	1921004675	Nguyễn Thị Nhựt	Thi	29/06/2001	19DNH1	Con thương, bệnh binh	100%	7.400.000	6.250.000	1.150.000	31310001226410
2	1921004666	Nguyễn Thị Thu	Thảo	15/08/2001	19DTC1	Con thương, bệnh binh	100%	7.400.000	6.250.000	1.150.000	31310001226872
3	1921004292	Nguyễn Thị Lan	Anh	06/01/2001	19DTC2	Con thương, bệnh binh	100%	7.400.000	6.250.000	1.150.000	31310001226447
4	2021009424	Bùi Ngọc Quỳnh	Như	04/04/2002	20DIF	Con thương, bệnh binh	100%	7.400.000	6.250.000	1.150.000	1017598929
5	1921003165	Trần Lý	Lẽ	09/05/2000	19DNH1	Người dân tộc ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã ĐBKK vùng bãi ngang ven biển hải đảo	70%	5.180.000	4.375.000	805.000	31310001325627

Stt	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp	Đối tượng được miễn, giảm	Tỷ lệ miễn giảm	Tổng số tiền được miễn, giảm(đ)	Số tiền miễn, giảm (đ)_thực hiện theo Nghị định 81	Số tiền miễn, giảm (đ)_số chênh lệch HP Nhà trường hỗ trợ	Số TK Ngân hàng
6	2021009502	Nguyễn Hoài	Thương	24/10/2002	20DTC1	Người dân tộc ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã ĐBKk vùng bãi ngang ven biển hải đảo	70%	5.180.000	4.375.000	805.000	51410001039996
7	2121004598	Đặng Thị Ngọc	Bích	28/05/2003	CLC_21DTC04	Con CBCNV bị tai nạn lao động, mắc bệnh NN	50%	3.700.000	3.125.000	575.000	1024272756
		Cộng:	7		sinh viên			43.660.000	36.875.000	6.785.000	
IX	Khoa Thẩm định giá - Kinh doanh bất động sản										
1	1921004440	Lý Ngọc	Khang	21/04/2001	19DTD	Người dân tộc, hộ nghèo	100%	7.400.000	6.250.000	1.150.000	31310001226623
2	1921004728	Đạt Nữ Ngọc	Trần	16/11/2001	19DTD	Người dân tộc, hộ cận nghèo	100%	7.400.000	6.250.000	1.150.000	31310001294602
		Cộng:	2		sinh viên			14.800.000	12.500.000	2.300.000	
X	Khoa Thuế - Hải quan										
1	2121008455	Trần Duy	Phúc	28/05/2003	21DHQ2	Sinh viên là người từ 16 tuổi đến 22 tuổi đang học giáo dục đại học văn bằng thứ nhất thuộc đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng (Mồ côi cả cha lẫn mẹ)	100%	7.400.000	6.250.000	1.150.000	31310001489888
2	2121008640	Trần Thị Mỹ	Thơm	03/01/2003	21DPF	Sinh viên là người từ 16 tuổi đến 22 tuổi đang học giáo dục đại học văn bằng thứ nhất thuộc đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng (Mồ côi cả cha lẫn mẹ)	100%	7.400.000	6.250.000	1.150.000	31310001460801
3	2121011575	Nguyễn Thị Huyền	Trinh	20/04/2003	21DPF	Con Liệt sĩ	100%	7.400.000	6.250.000	1.150.000	31310001490491
4	2121011509	Nguyễn Thị Thu	Hà	28/06/2002	21DPF	Người dân tộc ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã ĐBKk vùng bãi ngang ven biển hải đảo	70%	5.180.000	4.375.000	805.000	31310001461008
5	1921002279	Phạm Thị Thảo	Vy	10/04/2001	19DTX	Con CBCNV bị tai nạn lao động, mắc bệnh NN	50%	3.700.000	3.125.000	575.000	31310001226252

Stt	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp	Đối tượng được miễn, giảm	Tỷ lệ miễn giảm	Tổng số tiền được miễn, giảm(đ)	Số tiền miễn, giảm (đ)_ thực hiện theo Nghị định 81	Số tiền miễn, giảm (đ)_ số chênh lệch HP Nhà trường hỗ trợ	Số TK Ngân hàng
		Cộng: 5			sinh viên			31.080.000	26.250.000	4.830.000	
XI	Khoa Thương Mại										
1	1921004186	Phạm Thị Mỹ	Hạnh	01/04/2001	19DTM2	Con thương, bệnh binh	100%	7.400.000	6.250.000	1.150.000	31310001226261
2	1921006008	Nguyễn Ngọc Bảo	Phúc	11/12/2001	CLC_19DTM02	Con thương, bệnh binh	100%	7.400.000	6.250.000	1.150.000	31310001255812
3	2021000741	Lê Ngân	Giang	24/09/2002	20DKQ1	Con thương, bệnh binh	100%	7.400.000	6.250.000	1.150.000	1017333213
4	2021008874	Nguyễn Thị Mỹ	Hoa	03/09/2002	20DKQ2	Con thương, bệnh binh	100%	7.400.000	6.250.000	1.150.000	1017598473
5	2021004455	Trương Ngọc Thu	Trang	08/09/2002	CLC_20DTM04	Con thương, bệnh binh	100%	7.400.000	6.250.000	1.150.000	1017371200
6	2121013699	Bùi Thị	Thúy	11/01/2003	21DLG1	Con thương, bệnh binh	100%	7.400.000	6.250.000	1.150.000	31310001461451
7	2121012941	Bùi Thị Ngọc	Ánh	25/11/2003	21DTM1	Người dân tộc, hộ nghèo	100%	7.400.000	6.250.000	1.150.000	31310001481787
8	2021010868	Huỳnh Thiên	Trang	02/01/2001	20DKQ2	Người dân tộc ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã ĐBKK vùng bãi ngang ven biển hải đảo	70%	5.180.000	4.375.000	805.000	1017600073
9	2021004183	Sơn Minh	Kiều	28/07/2000	20DTM1	Người dân tộc ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã ĐBKK vùng bãi ngang ven biển hải đảo	70%	5.180.000	4.375.000	805.000	1017333988
10	2021004363	Say Băng	Tâm	05/11/2002	20DTM1	Người dân tộc ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã ĐBKK vùng bãi ngang ven biển hải đảo	70%	5.180.000	4.375.000	805.000	1017334031
11	2121002092	Hương Thị Thùy	Dung	02/10/2003	21DLG1	Người dân tộc ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã ĐBKK vùng bãi ngang ven biển hải đảo	70%	5.180.000	4.375.000	805.000	31310001461309

Stt	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp	Đối tượng được miễn, giảm	Tỷ lệ miễn giảm	Tổng số tiền được miễn, giảm(đ)	Số tiền miễn, giảm (đ)_thực hiện theo Nghị định 81	Số tiền miễn, giảm (đ)_số chênh lệch HP Nhà trường hỗ trợ	Số TK Ngân hàng
12	2121000657	Nguyễn Thị Xuân	Mai	23/01/2003	CLC_21DTM05	Người dân tộc ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã ĐBKK vùng bãi ngang ven biển hải đảo	70%	5.180.000	4.375.000	805.000	1024272438
13	1921002133	Lê Thị Thủy	Tiên	17/01/2001	CLC_19DTM01	Con CBCNV bị tai nạn lao động, mắc bệnh NN	50%	3.700.000	3.125.000	575.000	31310001226669
14	1921005930	Nguyễn Hiếu	Kiên	03/02/2001	CLC_19DTM03	Con CBCNV bị tai nạn lao động, mắc bệnh NN	50%	3.700.000	3.125.000	575.000	31310001226535
		Cộng:	14		sinh viên			85.100.000	71.875.000	13.225.000	
XII	Liên thông đại học chính quy										
1	2032000171	K'	Cường	15/05/1996	LTDH16TC	Người dân tộc, hộ cận nghèo	100%	7.400.000	6.250.000	1.150.000	104003092985
		Cộng:	1		sinh viên			7.400.000	6.250.000	1.150.000	
		Tổng cộng :	92		sinh viên			576.460.000	483.925.000	92.535.000	

Bằng chữ: Năm trăm bảy mươi sáu triệu bốn trăm sáu mươi ngàn đồng chẵn./.

NGƯỜI LẬP

TP. CÔNG TÁC SINH VIÊN

TP. KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH



HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Phạm Tiến Đạt

AK

un

un

Thái T. Lan Anh

ThS. Nguyễn Thanh Hải

TS. Hoàng Thái Hưng